

TÍNH LIÊN VĂN HOÁ TRONG DẠY VÀ HỌC NGOẠI NGỮ

PGS. TS. Phạm Thị Anh Nga
Đại học Ngoại Ngữ - Đại học Huế

Dạy và học ngoại ngữ trong bối cảnh hiện nay không còn đơn thuần là truyền đạt và tiếp thu kiến thức về ngôn ngữ nước ngoài một cách khô khan, máy móc. Trong quá trình đó, các yếu tố văn hoá và liên văn hoá ngày càng được quan tâm. Tuy nhiên, hiểu thế nào cho đúng về vị trí của văn hoá và liên văn hoá trong dạy và học ngoại ngữ là việc không hề đơn giản. Bài viết cố gắng phân tích và luận giải về một ứng xử khôn ngoan, hiểu biết và hiệu quả, phê phán những thái độ quá khích loại bỏ hoặc tôn sùng văn hoá nước ngoài.

1. Liên văn hoá là gì?

1.1. Lịch sử ra đời của liên văn hoá

Khái niệm "liên văn hoá" được Hội đồng Châu Âu định nghĩa vào năm 1986 như sau: "Nếu gán cho tiền tố "inter" ý nghĩa trọn vẹn của nó, thì việc sử dụng từ "interculturel" tất nhiên bao hàm các ý nghĩa tương tác, trao đổi, phá bỏ rào cản, quan hệ hỗ tương và đoàn kết. Nếu ta nhìn nhận tất cả giá trị của từ "culture", điều đó có nghĩa là ta nhìn nhận những giá trị, những lối sống và những hình tượng biểu trưng mà con người, là cá nhân hay cộng đồng xã hội, dựa vào trong mối quan hệ với những kẻ khác và trong quan niệm về thế giới" (De Carlo (1998) trích dẫn, tr.41).

Nhưng ngay tại Pháp, "khái niệm liên văn hoá" được biết đến chưa lâu và mãi đến năm 1975, yếu tố liên văn hoá trong lĩnh vực giáo dục mới nở rộ và được quan tâm thích đáng, trước tình trạng nhiều con em của dân nhập cư vào học trong các trường học ở

Pháp. Trong tình huống đó, ứng xử sư phạm có tính liên văn hoá chính là tạo điều kiện cho học sinh thuộc các gia đình nhập cư có thể tự khẳng định được mình, bản sắc của chính mình, không lệ thuộc vào văn hoá "chuẩn" Pháp hay văn hoá gốc của bố mẹ.

Sau đó, cách đặt và giải quyết vấn đề dưới góc độ liên văn hoá lan rộng sang các lĩnh vực khác: khoa học quản lý, xí nghiệp, truyền thông... và gắn với xu hướng mở cửa. Năm 1986, chính Louis Porcher là người đã có công đầu đưa khái niệm liên văn hoá vào trong lĩnh vực FLE (tiếng Pháp như một ngoại ngữ) tại Pháp. Tuy nhiên, theo M.Abdallah-Preteuille (1996 (1986)), "liên văn hoá là một sự lựa chọn sư phạm chưa ổn định, do đó nó mang đến cho chúng ta những nghi vấn và sự lưỡng lự hơn là những lời giải và sự khẳng định"¹

¹ "l'interculturel est une option pédagogique non encore stabilisée, donc davantage source d'interrogations et d'incertitudes que de réponses et d'affirmations". (Nguyễn văn tiếng Pháp - Tác giả).

1.2. Một số nghiên cứu, thành tựu đã được khẳng định về lĩnh vực liên văn hoá

Trong số rất nhiều thành tựu của các nhà nghiên cứu lĩnh vực liên văn hoá, xin chỉ nêu ở đây một vài khía cạnh có thể vận dụng ít nhiều vào lớp học ngoại ngữ.

1.2.1. Từ phương pháp so sánh văn hoá đến phương pháp liên văn hoá (*De l'approche comparatiste (culturaliste) à l'approche interculturelle*)

Mô hình thuần túy văn hoá chủ nghĩa (modèle culturaliste) có nguy cơ nhốt kín một cá nhân hay một nhóm người trong những quan hệ nhân quả hay *thuyết minh định về văn hoá* (déterminismes culturels), và như thế, đối diện với kẻ khác và trong ý thức về kẻ khác, thay vì thấu hiểu, người ta chỉ dừng lại ở mức độ miêu tả, giải thích, thậm chí còn *áp đặt* ngay từ đầu lên kẻ khác một hình ảnh hay một cách ứng xử có tính mặc định. Đã là người Pháp chẳng hạn thì "tất nhiên" là phải văn minh, lịch sự, phải cao ráo, đẹp đẽ, sạch sẽ và... giàu có, và bên cạnh đó, vì là người Pháp nên anh ta (cô ta) thế nào cũng có cách hành xử "thực dân", "nước lớn" và đầy tự tôn. Cách nhìn nhận và đánh giá kiểu đó thể hiện thói quen định hình đối tượng giao tiếp hay đối tượng nghiên cứu ngay từ khi chưa tiếp xúc, tìm hiểu, và đầy định kiến. Trái ngược hẳn với mô hình trên là cách tiếp cận liên văn hoá với những thao tác *tư duy và thấu hiểu*, nhằm tìm cách, qua quan sát và phân tích những con người, tục lệ, ứng xử, thói quen... cụ thể, *suy nghiệm* và

từ đó nhận ra những biểu hiện của một nền văn hoá. Đó là một quá trình có tính *chủ động* và *chủ kiến*, ở đó cái tôi chủ thể đóng một vai trò quan trọng trong việc tự xây dựng ý thức về bản thân và về kẻ khác.

1.2.2. Việc khôi phục vai trò của những hình ảnh mặc định (*Réhabilitation des stéréotypes*)

Trở lại với thí dụ về hình ảnh người Pháp ở trên, có thể nói cách nhìn nhận và đánh giá đó sẽ gây trở ngại đáng kể trong giao tiếp và hiểu biết về kẻ khác. Người ta gọi đó là những hình ảnh mặc định (stéréotype), thường được coi là rất nguy hiểm trong lĩnh vực liên văn hoá, và trong một thời gian dài rất nhiều nhà nghiên cứu quan niệm phải hoàn toàn loại bỏ chúng. Tuy nhiên không thể chối cãi là chúng vẫn hiện hữu, và những hình ảnh đó thật tiện dụng trong bước đầu tiếp xúc và nghiên cứu, nếu ta biết dừng lại đúng lúc, chỉ sử dụng chúng như những cứ liệu ban đầu cần kiểm chứng. Vấn đề là sau đó ta phải vượt qua cái ngưỡng ban đầu đó để tìm cách thấu hiểu thực sự đối tượng giao tiếp hay nghiên cứu. Trong chiều hướng đó, một số nhà nghiên cứu đã quan niệm một cách sáng suốt là cần khôi phục vai trò của các hình ảnh mặc định trong giao tiếp và nghiên cứu. R.Amossy (1997) khẳng định: "*Hình ảnh mặc định có sơ đồ hoá và xếp loại thật; nhưng những tiến trình đó là không thể thiếu được đối với nhận thức, ngay cả khi chúng dẫn đến một tình trạng đơn giản hoá và khái quát hoá một cách quá*

khích. Chúng ta cần phải chấp nối những gì nhìn thấy được với những mô hình sẵn có để có thể hiểu biết thế giới, dự báo và điều chỉnh ứng xử của mình".

1.2.3. Từ mô hình lắp ghép kiểu môzaic đến quan hệ soi chiếu (*Du modèle mosaïque à la relation en miroir*)

Trong một thời gian rất dài, người ta vẫn hình dung các nền văn hoá theo mô hình lắp ghép kiểu môzaic, theo đó, mỗi nền văn hoá là một thực thể cố định, độc lập, không tương tác với những nền văn hoá khác. Ngày nay quan niệm đó đã lỗi thời và đáng bị phê phán. Các nhà nghiên cứu như M.Abdallah-Preteuille đã chỉ ra rằng, không một nền văn hoá nào có thể tồn tại độc lập với những tiếp xúc, tác động hỗ tương diễn ra giữa nó và các nền văn hoá khác, và những điều đó lưu dấu vết lên nó, cấu thành chính nó, định nghĩa nó, thông qua những quá trình miêu tả, thể hiện lẫn nhau giữa các nền văn hoá. Mỗi quan hệ soi chiếu lẫn nhau như qua một tấm gương soi đó tạo nên một hệ hình ảnh (imagologie), với những cách nhìn qua lại, ở đó có hình ảnh về bản thân (auto-image) và về kẻ khác (hétéro-image) cùng tồn tại, tương ứng với nhau và tác động lên nhau. T.Todorov khẳng định: "*Hiểu biết những người khác không chỉ đơn giản là một con đường có thể dẫn đến hiểu biết bản thân: nó là con đường duy nhất*"².

² "La connaissance des autres n'est pas simplement une voie possible vers la connaissance de soi: elle est la seule". (*Nous et les autres*).

1.2.4. Rèn luyện về sự khác biệt (*Éducation à la différence, à l'altérité*)

Chính trong quan hệ soi chiếu lẫn nhau mà chủ thể "Tôi" ý thức được là mình khác với "Kẻ khác" hay tha nhân (alter). Liên quan đến khái niệm "khác biệt" (altérité), Sartre đã phát triển quan niệm về ý thức bản thân (conscience de soi) của Hegel và khẳng định: "*Tôi cần đến sự trung gian của Kẻ khác để là cái mà tôi là*"³, "*để đạt được một chân lý nào đó về mình, tôi phải thông qua người khác. Kẻ khác là không thể thiếu được cho sự tồn tại của tôi, đối với sự hiểu biết của tôi về bản thân cũng như đối với những khía cạnh khác*"⁴.

Kẻ khác phải được xem là một chủ thể thực sự, là một con người, vừa giống Tôi nhưng đồng thời cũng khác Tôi, là một "alter ego" (cái tôi khác) có thể đem ra đối chiếu và đối địch. M.Tardy khẳng định: "*Đạo lý của sự khác nhau không có nghĩa là tìm cách hiểu một cách trọn vẹn tất cả những gì là khác nhau, mà là chấp nhận rằng chúng tồn tại, và có khả năng chịu đựng được sự tồn tại của chúng, dù cho sự tồn tại đó là không thể hiểu được, bởi vì nó là không thể hiểu được*"⁵.

³ "[...] j'ai besoin de la médiation d'Autrui pour être ce que je suis" (*L'Être et le Néant*).

⁴ "[...] pour obtenir une vérité quelconque sur moi, il faut que je passe par l'autre. L'autre est indispensable à mon existence, aussi bien d'ailleurs qu'à la connaissance que j'ai de moi" (*L'existentialisme est un humanisme*).

⁵ "l'éthique de la différence, ce n'est pas chercher à comprendre totalement toutes les altérités, c'est admettre qu'elles existent et être capable d'en

Trong giao tiếp và nhận thức về kẻ khác và một nền văn hoá khác, xu hướng thường gặp là nhìn nhận và phán xét ngoại giới hoàn toàn qua lăng kính, chuẩn mực của bản thân, của dân tộc mình, phân định sự đúng sai một cách chủ quan, bất kể sự tồn tại của những lăng kính chuẩn mực khác. Cách ứng xử lấy bản thân làm trung tâm (égocentrique) và lấy dân tộc mình làm trung tâm (ethnocentrique) như thế hoàn toàn đi ngược lại quan điểm liên văn hoá về sự khác biệt.

1.2.5. Từ nguyên tắc "khoan dung" đến sự rèn luyện về xung đột (Du principe de "tolérance" à l'éducation au conflit)

Trước sự khác biệt như đã nói ở trên, ứng xử thường được khuyến khích nên có là khoan dung đối với kẻ khác, đối lập với hai thái độ quá khích là: (1) Sinh ngoại một cách cuồng tín, và (2) Bài ngoại hay phủ nhận cái khác mình. Tất nhiên điều đó không có gì sai, nhưng sự khoan dung cũng phải được đặt đúng chỗ, nếu không hậu quả sẽ vô cùng tai hại. T.Todorov (1989) cảnh báo: "Có thể cái mà chúng ta tưởng là khoan dung chỉ là sự dửng dưng", "Không còn là sự chấp nhận những giá trị khác nhau, mà là thái độ dửng dưng trước những giá trị, sự khước từ bước vào bên trong thế giới của kẻ khác: kẻ khác không quấy rầy gì tôi vì họ không đáng kể". Cũng theo T.Todorov, sự khoan dung chỉ là một đức tính nếu những đối tượng của sự khoan dung là thực sự vô

hại, chẳng hạn thói quen về trang phục, ẩm thực, vệ sinh của kẻ khác, khác với chúng ta. Ngược lại, "khoan dung là không đúng chỗ nếu những "đối tượng" đó là những phòng hơi ngạt, hoặc là, để lấy một thí dụ xa hơn, những sự hiến tế mạng người ở những cư dân Aztèques: thái độ duy nhất có thể chấp nhận đối với họ là sự kết án (cho dù sự kết án đó không dạy bảo cho chúng ta biết liệu chúng ta có phải can thiệp để ngăn chặn những hành động đó hay không, và phải ngăn chặn như thế nào)". Các phòng hơi ngạt và sự hiến tế mạng người là đáng lên án, căn cứ vào những giá trị xuyên văn hoá (valeurs transculturelles). Không thể nói nền văn hoá này cao hơn hay thấp hơn một nền văn hoá khác, mà chỉ có thể khẳng định một yếu tố cụ thể của một nền văn hoá nào đó (của chúng ta hay của kẻ khác) hay một ứng xử văn hoá nào đó là đáng kết tội hay đáng ngợi ca (T.Todorov 1986).

Mặt khác, giao tiếp liên văn hoá bao giờ cũng diễn ra trong một tình huống cụ thể. Mỗi con người lại mang trong mình những đặc điểm lịch sử (lịch sử dân tộc, lịch sử cộng đồng, và cả lịch sử cá nhân, những lịch sử này ít nhiều có gắn với những xung đột lịch sử của nhân loại). Cố tình lẫn tránh những xung đột, đối đầu, không nhắc đến những điều đó sẽ chỉ là một "chính sách đa điều", không dám nhìn thẳng vào sự thật, không muốn nhận định về sự khác biệt và không thể ứng xử đúng đắn. Theo F.Fouquet, cần học tập để "có được sự can đảm dám đặt

supprimer l'exis... même incomprise, parce qu'inc... (M... Allah-Preceille trích dẫn trong Vers... pédagogie... culturelle).

các chủ kiến ở thể tương tác, là cách duy nhất để tự làm giàu bản thân, điều đó không có nghĩa là biến tất cả các cách làm, cách nghĩ, cách tồn tại khác thành của mình, mà thừa nhận những phương thức đó như những giới hạn và hạn chế như những phương thức của bản thân mình, thuộc một ngữ cảnh khác ngữ cảnh của chính mình". (M.Abdallah-Preteuille 1996 (1986) trích dẫn).

2. Tính liên văn hoá trong lớp học ngoại ngữ

2.1. Những thể hiện của tính liên văn hoá trong lớp học ngoại ngữ

Việc vận dụng những nguyên tắc liên văn hoá trong dạy và học ngoại ngữ có những thể hiện như sau:

2.1.1. Năng lực ngôn ngữ, năng lực văn hoá và năng lực liên văn hoá

Mục tiêu dạy học là rèn luyện cho người học không chỉ *năng lực ngôn ngữ* (compétences linguistiques) mà cả *năng lực văn hoá* (compétences culturelles), thậm chí là *năng lực liên văn hoá* (compétences interculturelles). Học ngoại ngữ cũng là tiếp cận một nền văn hoá mới, học cách nhận biết một môi trường thiên nhiên và xã hội khác, những ứng xử, quan niệm và nhận định khác với mình và dân tộc mình. Năng lực văn hoá không còn đóng khung trong những kiến thức cố định về văn hoá nước ngoài, về đất nước Anh, Pháp hay Mỹ và con người Anh, Pháp, Mỹ như những thực thể trừu tượng, và

không đơn giản là so sánh một cách máy móc, thô thiển giữa văn hoá nước ngoài và văn hoá mẹ đẻ, theo kiểu so sánh thuần túy văn hoá chủ nghĩa (comparatisme, culturalisme). Nó hướng đến sự *thấu hiểu* nền văn hoá mới, một nền văn hoá (cũng như bao nền văn hoá khác) luôn ở trong *trạng thái động, giao thoa và tương tác* với các nền văn hoá khác, ảnh hưởng hỗ tương với các nền văn hoá khác.

2.1.2. Sự trải nghiệm liên văn hoá và tính phê phán

Không dừng lại ở chỗ hiểu biết, tính liên văn hoá trong lớp học ngoại ngữ còn thể hiện ở sự *trải nghiệm liên văn hoá*, ở đó văn hoá nước ngoài (đất nước, con người, ngôn ngữ, các thói quen, tục lệ...) không là "cái để biết", mà còn là "kẻ khác" đặt trong thể giao tiếp, tương tác với người học, thể hiện qua (1) *năng lực giao tiếp*, sử dụng ngoại ngữ đang học để giao tiếp với người bản ngữ cũng như hoạt động ngành nghề phù hợp với quy tắc ứng xử của xã hội và văn hoá nước ngoài, và (2) những *cảm nhận, nhận định, phê phán...* có tính chủ kiến (subjectif) của người học đối với những yếu tố thuộc văn hoá nước ngoài đó, trong thể tương quan với văn hoá mẹ đẻ hay còn gọi là văn hoá gốc. Văn hoá nước ngoài trong lớp học tiếng Pháp phải được hiểu là *văn hoá của cộng đồng nói tiếng Pháp*, nghĩa là của cả đất nước hình lục giác (nước Pháp) lẫn các nước khác trên hành tinh thuộc cộng đồng Pháp ngữ.

2.1.3. Văn hoá mẹ đẻ

Năng lực liên văn hoá không chỉ chú trọng đến mối quan hệ giữa người học với văn hoá nước ngoài, mà cả mối quan hệ giữa người học với *văn hoá mẹ đẻ*. Chính trong tiếp cận với văn hoá nước ngoài, văn hoá đích (culture-cible) mà mỗi người ý thức rõ rệt hơn về văn hoá mẹ đẻ, văn hoá gốc (culture-source) của mình. Trong quá trình học ngoại ngữ, những hiểu biết và trải nghiệm về văn hoá nước ngoài góp phần củng cố, làm phong phú thêm cho những hiểu biết và trải nghiệm về văn hoá mẹ đẻ, và ngược lại. Hai nền văn hoá đó có thể xem như được đặt trong thế tương quan soi chiếu lẫn nhau (relation en miroir).

2.1.4. Sử dụng một cách cẩn trọng những hình ảnh mặc định

Đối với những *hình ảnh mặc định* (stéréotypes), xuất phát từ tính tiện dụng, tính hấp dẫn và giá trị tham khảo của chúng trong bước đầu tiếp cận với một người khác, một nền văn hoá khác, cần thiết phải đưa chúng vào lớp học ngoại ngữ nhưng với thái độ thật sự cẩn trọng, sử dụng đúng chỗ và khai thác hợp lý. Chỉ khi người học có khả năng vượt qua cái ngưỡng ban đầu đó và kiểm chứng, phân tích cụ thể từng con người, từng sự vật hiện tượng cụ thể để thấu hiểu, thì mới tiếp cận được với bản chất, và khi đó việc sử dụng hình ảnh mặc định mới thực sự hiệu quả. Những hình ảnh mặc định này vừa có thể là về kẻ khác (hétéro-stéréotype) vừa có thể là về bản thân (auto-stéréotype), và có thể tích cực (stéréotype positif) hoặc tiêu cực (stéréotype négatif). Ở

đây cần đảm bảo tính khách quan, tránh xu hướng xem mình và dân tộc mình là trung tâm (égocentrisme, ethnocentrisme), nhưng đồng thời cũng phải vận dụng chủ kiến (subjectivité) trong nhìn nhận và thấu hiểu, ứng xử.

2.1.5. Tính liên văn hoá trong mọi nội dung, mọi môn học

Tính liên văn hoá có thể được *thể hiện trong mọi nội dung, mọi môn học*, từ môn thực hành tiếng với các kỹ năng nghe-nói-đọc-viết (giáo viên phải biết kết hợp năng lực giao tiếp với ý thức, sự thể nghiệm và trải nghiệm về liên văn hoá của người học), đến những môn học thiên về lý thuyết thuộc các bộ môn giáo học pháp, lý thuyết tiếng, hay các môn thực hành dịch, ngoại ngữ chuyên ngành, và đặc biệt là bộ môn văn hoá và văn học. Mỗi ngôn ngữ, mỗi nền văn hoá có những quy luật, chuẩn mực của mình, có điểm giống nhưng cũng có điểm khác, thậm chí đối lập so với một ngôn ngữ văn hoá khác. Việc tiếp cận ngoại ngữ trong dạy và học ở mọi khía cạnh, góc độ cần tuân thủ tính khác biệt này, và cần khơi gợi cho người học ý thức trong nhận thức và trải nghiệm đối với ngoại ngữ đang học. Ở cấp đại học, nội dung liên văn hoá chưa nhất thiết phải tách riêng thành một môn học độc lập, mà theo tôi, hiệu quả và khôn ngoan hơn cả là nên lồng ghép, đan xen những khía cạnh liên văn hoá vào từng góc ngách, giai đoạn, từng nội dung chi tiết của chương trình, từng thao tác lên lớp của giáo viên.

2.1.6. Ưu thế của ngoại ngữ thứ hai

Một thể hiện khác không kém phần thú vị của tình liên văn hoá trong lớp học ngoại ngữ là sự hiện diện của *ngoại ngữ thứ hai* trong chương trình học. Ở nhiều nước phương Tây, ngoại ngữ thứ hai còn được đưa vào giảng dạy từ bậc trung học, và được xem như một lợi thế trong việc vận dụng tình liên văn hoá vào dạy và học, trong một tình huống được gọi là *đa ngoại ngữ* (plurilinguisme en langues étrangères). Trong đào tạo ở bậc đại học về ngành ngoại ngữ của chúng ta hiện nay, môn ngoại ngữ hai này cũng đang là một môn học bắt buộc, nhưng có thể nói nó chưa được khai thác đúng mức về tương quan giữa ngoại ngữ một và ngoại ngữ hai, giữa ngôn ngữ mẹ đẻ và ngoại ngữ hai. Tất nhiên khi tiếp cận với ngoại ngữ thứ hai, người học vừa thừa hưởng những thuận lợi từ việc tiếp thu ngoại ngữ thứ nhất diễn ra trước đó, hoặc bắt đầu trước đó và diễn ra đồng thời, nhưng đồng thời cũng nhận, chịu những run rủi, lệch lạc do ảnh hưởng của chính ngoại ngữ thứ nhất này. Đây cũng là một mảng đề tài nghiên cứu thu hút rất nhiều sinh viên và giáo viên ngoại ngữ, với những hiện tượng thường được gọi là giao thoa ngôn ngữ hay văn hoá (interférences linguistiques ou culturelles), một vấn đề đã làm tổn không biết bao nhiêu là tâm huyết, bút mực từ vài thập niên trước. Tuy có những run rủi như thế, nhưng việc học ngoại ngữ thứ hai vẫn là ưu thế và là điều kiện tốt nhất giúp người học càng thâm nhập vào nhận thức và trải nghiệm về ngoại

ngữ thứ nhất và thứ hai, cũng như về ngôn ngữ mẹ đẻ của mình.

2.2. Những nguy cơ cần đặc biệt lưu ý

2.2.1. Khoan dung và đối đầu (*tolérance et conflit*)

Trước thực tế xã hội châu Âu rất khác xã hội Việt Nam, với những tập tục, thói quen, chuẩn mực ứng xử cũng khác, sinh viên cần có thái độ khoan dung chấp nhận cái khác. Tuy nhiên, bên cạnh đó, cần rèn luyện *năng lực phân tích và phê phán* những mặt *hay* cần học tập cũng như những mặt *dở* không nên thần thánh hoá và học đòi. Thói quen ứng xử, những hiện tượng xã hội, những thực tế được đề cập trong sách giáo khoa hay phim ảnh, sách báo... có thể là những cơ hội để sinh viên tiếp cận và tập phê phán, có những nhận xét có *tính chủ kiến* riêng, dựa trên những *giá trị xuyên văn hoá* (valeurs transculturelles) về đúng sai thiện ác, mặc dù những giá trị có tính chuẩn mực này có thể tùy từng nền văn hoá mà có những điểm khác. Tinh huống lớp học ngoại ngữ cũng là một tình huống gặp gỡ, tiếp xúc, giao tiếp liên văn hoá với đầy đủ các đặc trưng của giao tiếp liên văn hoá thực sự, ở đó người học là "cái tôi" tiếp xúc với "kẻ khác" là ngôn ngữ, văn hoá, văn học... nước ngoài, và thầy giáo đóng vai trò trung gian, trợ thủ, và tổ chức. Thật vậy, mỗi người học có quyền cảm nhận, trải nghiệm và phê phán với tư cách là đại diện cho văn hoá mẹ đẻ của mình, trong tiếp xúc, giao thoa với một nền văn hoá khác. Sinh viên cũng cần có tâm

thể chủ động, có thái độ đúng mực đối với văn hoá nước ngoài, tránh xu hướng thần thánh hoá, lý tưởng hoá văn hoá Pháp, Mỹ hay Anh và sa vào căn bệnh mặc cảm và sùng bái những gì là ngoại lai.

2.2.2. Tiếp nhận văn hoá và bản sắc văn hoá (*Acculturation et identité culturelle*)

Trước ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài, không riêng gì người học mà cả thầy cô giáo cũng dễ rơi vào một trạng thái bất an, mặc cảm, cho rằng ngôn ngữ và văn hoá mẹ đẻ thua sút ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài, và từ đó có tư tưởng và thái độ vọng ngoại. Xu hướng này hoàn toàn đúng với quan niệm cho rằng các nền văn hoá có thể được sắp xếp thành một thang giá trị, có những nền văn hoá cao hơn và có những nền văn hoá thấp hơn, và văn hoá Anh, Pháp, Mỹ... được xem là cao hơn văn hoá Việt Nam. Cuộc sống ở các nước Anh, Mỹ, Pháp trở nên những thiên đường mơ ước, nơi mọi cái đều đẹp đẽ tuyệt vời. Sự mơ mộng đầy ảo tưởng đó vô tình sa vào quan niệm lạc hậu đã bị các nhà nghiên cứu liên văn hoá phê phán, bởi thực sự không thể có văn hoá cao hay văn hoá thấp mà giữa các nền văn hoá chỉ có khác nhau hay giống nhau, về mặt này hay mặt khác. Tuy nhiên, mỗi con người còn được các nhà nghiên cứu liên văn hoá xem là một "người lai văn hoá" (*métis culturel*), và bản sắc văn hoá của mỗi cá nhân được hình thành dần dần qua quá trình trải nghiệm, tiếp xúc và tương tác. Học ngoại ngữ không chỉ là tiếp thu một công cụ ngôn ngữ khác với

tiếng mẹ đẻ, mà còn học cách hiểu kẻ khác, hiểu ứng xử của kẻ khác, và bản thân có thể có cách ứng xử khác. Đó là một quá trình tiếp nhận, thể hiện qua nhận thức và trải nghiệm văn hoá. Nhưng tiếp nhận đến mức nào là hợp lý, đâu là giới hạn cuối cùng có thể chấp nhận được của những ảnh hưởng từ văn hoá nước ngoài? Làm sao để tránh căn bệnh malinchismo (quá ưa chuộng phương Tây) về văn hoá mà Todorov đã cảnh báo? Không ít người sau một thời gian học ngoại ngữ trong ứng xử đã tỏ ra "Tây hơn cả Tây", hoặc theo cách nói của người Pháp là "Pháp hơn cả người Pháp", "bảo hoàng hơn cả vua".

Ở đây, cần phân biệt giữa học cho biết để giải mã với học để thể hiện hay làm. Bản lĩnh của mỗi con người là ở chỗ dù tiếp xúc với nhiều nền văn hoá khác, nhiều người thuộc các sắc tộc khác, dù ít nhiều có những ảnh hưởng trong nhận thức, hiểu biết và ứng xử, nhưng vẫn còn chủ động giữ được những gì là tư chất, là bản sắc văn hoá riêng. Học để hiểu biết, để không ngộ nhận trước ngôn ngữ không lời của đối tượng giao tiếp là người Anh, Pháp hay Mỹ là cần thiết, nhưng học để có thể nhún vai, để ứng xử kiểu Pháp phải là lựa chọn riêng của mỗi người, không thể là yêu cầu, chuẩn mực chung được. Và tất nhiên, trong giao tiếp với người nước ngoài, điều cần tinh tế tránh va vấp hơn cả là những cấm kỵ trong ứng xử hay hội thoại: hỏi tuổi phụ nữ, hỏi mức lương hay thu nhập cá nhân, hỏi về tình trạng gia đình...

2.3. Tính liên văn hoá trong dạy và học văn học

Nếu lớp học ngoại ngữ có thể là một tình huống liên văn hoá thực sự, thì những gì diễn ra trong giờ học văn học nước ngoài có thể là thể hiện rõ rệt và đặc trưng nhất của tính liên văn hoá này. Nói chung, giao tiếp liên văn hoá có thể diễn ra trực tiếp qua giao lời, đối thoại, nhưng cũng có thể gián tiếp qua trung gian của những vật hay sản phẩm như thư từ, phim ảnh, sách báo, truyền thanh, truyền hình... Theo M. Abdallah-Preteille và L.Porcher, tác phẩm văn học (hay trích đoạn tác phẩm) "thể hiện một thể loại vô tận của bài tập nhân tạo về sự gặp gỡ với Kẻ khác: gặp gỡ dưới dạng uỷ quyền, thật vậy, nhưng dấu sao cũng là gặp gỡ"⁶.

Một đặc trưng khác của văn học, là nền văn học nào cũng vừa thuộc về toàn nhân loại, vừa gắn với một nền văn hoá cụ thể, nơi nó được sản sinh ra. Về vấn đề này, T.Todorov (1086) đã trích dẫn khái niệm "văn học phổ quát" (Weltliteratur) của Goethe, theo đó văn học vừa có khía cạnh phổ quát vừa có khía cạnh riêng biệt. Các tác giả đều gắn với một nền văn hoá cụ thể, nhưng đồng thời cũng thuộc về di sản văn hoá chung của toàn nhân loại. Trong lớp học ngoại ngữ, việc tiếp cận văn học nước ngoài và các tác phẩm của nó có thể diễn ra một cách *trực tiếp*, khác hẳn với các tư liệu thực

(document authentique) thường có vị trí thống trị trong phương pháp giao tiếp, vốn được sản sinh ra cho một tình huống ngoài cuộc sống (để giới thiệu sản phẩm, tăng sức mua, để thông tin, rao vặt...) khi đưa vào lớp học thì người học phải giả bộ, đóng vai, diễn kịch... trong một tình huống giao tiếp giả định hay đóng vai (communication simulée). Ngược lại, việc đọc hay tiếp nhận tác phẩm văn học trong nhà trường hay trong cuộc sống hàng ngày không vượt ra ngoài dự đoán của các tác giả, và tình huống đó hoàn toàn là *tình huống thực*, có giao tiếp, chia sẻ, đồng cảm... và là một phương thức rèn luyện về tiếp xúc liên văn hoá.

Thật vậy, văn học là một biểu hiện đặc biệt của văn hoá. Theo cách phân loại của R.Galisson (1998) về văn hoá trong nhà trường, văn học sử thuộc về *văn hoá-ý niệm* (culture-vision) hay văn hoá bác học, được truyền đạt thông qua *trí tuệ* (l'esprit), theo phương pháp suy diễn (déductive), trong khi tác phẩm văn học hay trích đoạn của nó thuộc về *văn hoá-hành động* (culture-action) hay văn hoá thông dụng, hoặc là văn hoá nhân loại học, được xây dựng thông qua *cơ thể* (le corps) theo phương pháp quy nạp (inductive). Học văn học chính là vận dụng trí tuệ cũng như cả con người (cơ thể) của mình để giao tiếp và cảm nhận.

Trước tác phẩm văn học hay trích đoạn, người học không cần phải xoá bỏ gốc gác, bản sắc văn hoá của mình, không cần "nhập vai", "giả định" mình là người bản ngữ để giao tiếp. Việc đọc và tiếp nhận hoàn toàn có

⁶ "[...] représente un genre inépuisable pour l'exercice artificiel de la rencontre AVEC l'Autre: rencontre par procuration certes, mais rencontre tout de même" (*Éducation et communication interculturelle*).

thể diễn ra một cách tự nhiên từ góc độ riêng sẵn có của người học: đọc, tìm hiểu ý nghĩa, phân tích câu chữ, phép lập ngôn, cảm nhận về mặt âm thanh, nhạc điệu của tác phẩm văn học với góc nhìn riêng, có chủ kiến, và có những nỗ lực riêng để vượt qua rào cản ngôn ngữ và đến với tác phẩm.

Kết luận

Nỗ lực vận dụng tích liên văn hoá vào dạy và học ngoại ngữ cần linh hoạt, khôn khéo và đặc biệt đòi hỏi ý thức thường xuyên của mỗi một giáo viên ngoại ngữ thuộc tất cả các bộ môn trong các thao tác lên lớp của mình, từ đó dẫn dắt người học tiến hành một quy trình học đáp ứng với những yêu cầu của tích liên văn hoá, nhận thức và trải nghiệm ngôn ngữ và văn hoá nước ngoài trong tương quan với ngôn ngữ và văn hoá mẹ đẻ, và được giáo viên hỗ trợ với tư cách là người trung gian. Ở bậc đại học, liên văn hoá không nhất thiết phải là một môn học độc lập, nhưng nó có thể hiện diện khắp nơi và mọi lúc, gắn liền với phương pháp lên lớp của thầy và phương pháp học tập của trò, trong từng nội dung của chương trình. Cũng cần tránh những thái độ quá khích trong tiếp cận văn hoá, những lệch lạc nhận thức và ứng xử có nguy cơ làm phương hại đến bản sắc văn hoá của chính mình.

Tài liệu tham khảo

1. Abdallah-Preteille Martine, 1996 (1986). *Vers une pédagogie interculturelle*, Anthropos, Paris 222 tr.

2. Abdallah-Preteille Martine, 1999, *L'éducation interculturelle*, Collection Que Sais-Je, PUF Paris, 126 tr.

3. Abdallah-Preteille Martine, Porcher Louis, 1996, *Éducation et communication interculturelle*, PUF l'Éducateur, Paris, 192 tr.

4. Amossy Ruth, ..., 1997, *Stéréotypes et clichés. Langue, discours, société*, Nathan Université, 128 tr.

5. De Carlo Maddalena, 1998, *L'interculturel*, Clé International, 125 tr.

6. Galison Robert, 1991, *De la langue à la culture par les mots*, Clé International, 191 tr.

7. Galison Robert, 1998, *Le "Français langue étrangère montera-t-il dans le train en marche de la "Didactique scolaire"?"* in ELA, *Revue de Didactologie des langues-cultures*, số 111, tr. 265-286.

8. Phạm Thị Anh Nga, 1997, *Le calcul du sens dans la communication interculturelle. La rencontre entre Français et Vietnamiens*, Luận văn DEA (Hướng dẫn khoa học: GS. Bernard Gardin), ĐH Rouen, 96 tr.

9. Phạm Thị Anh Nga, 2000, "*Ces interactions qui ne vont pas de soi*". *Étude des gloses métacommunicationnelles sur la rencontre Français-Vietnamiens dans des romans et récits d'expression française*,

Luận án Tiến sĩ (Hướng dẫn khoa học: GS. Bernard Gardin), ĐH Rouen, 374 tr.

10. Phạm Thị Anh Nga, 2001, *Các stéréotype trong giao tiếp liên văn hoá*, Báo cáo tổng kết đề tài Nghiên cứu Khoa học cấp trường, Trường ĐH Sư phạm Huế, 54 tr.

11. Phạm Thị Anh Nga, 2002, *Perspectives interculturelles dans la formation des enseignants du FLE et pour une meilleure stratégie d'apprentissage des élèves-étudiants*, Kỳ yếu Hội thảo khu vực Đông Nam Á về Giảng dạy tiếng Pháp (Phnom Penh - Campuchia), tr. 175-179 - <http://phamthianhnga.blogspot.com/2008/08/perspectives-interculturelles-dans-la.html>

12. Phạm Thị Anh Nga, 2005, *Ranh giới và tính liên thông trong dạy và học ngoại ngữ. Vận dụng các khái niệm "interaction", "interculturalité" và "interdisciplinarité" vào dạy và học ngoại ngữ*, Thông báo Khoa học, ĐH Ngoại ngữ Huế số 1/2005, tr.105-112 - <http://phamthianhnga.blogspot.com/2008/08/ranh-gii-v-tnh-lin-thng-trong-dy-v-hc.html>

13. Phạm Thị Anh Nga, 2006, *Định hướng trong giao tiếp và nghiên cứu liên văn hoá (1)*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật (Bộ VH-TT), số 11(269)/2006, tr. 10-15 - <http://phamthianhnga.blogspot.com/2008/09/mt-s-nh-hng-trong-giao-tip-v-nghin-cu.html>

14. Phạm Thị Anh Nga, 2006. *Định hướng trong giao tiếp và nghiên cứu liên văn hoá (2)*, Tạp chí Văn hoá nghệ thuật (Bộ

VH-TT) số 12(270)/2006, tr. 12-15 - <http://phamthianhnga.blogspot.com/2008/09/mt-s-nh-hng-trong-giao-tip-v-nghin-cu.html>

15. Phạm Thị Anh Nga, 2006. *Tương quan giữa văn hoá-văn học và ngôn ngữ. Một số ứng dụng trong dạy/học các kỹ năng thực hành tiếng Pháp*, Thông báo Khoa học ĐH Ngoại ngữ Huế số 2/2006, tr. 115-120 <http://phamthianhnga.blogspot.com/2008/09/tng-quan-gia-vn-ho-vn-hc-v-ngn-ng.html>

16. Porcher Louis, 1995, *Le français langue étrangère - Émergence et enseignement d'une discipline*, NXB. Hachette Éducation, 97 tr.

17. Todorov Tzvetan, 1986 "Le croisement des cultures", *Le croisement des cultures*, Communication, số 43, tr. 5-24.

18. Todorov Tzvetan, 1989, *Nous et les autres*, Seuil, 452 tr.

19. Tôn Diễm Phong, 1999, *Tìm hiểu sự sai lệch ngữ nghĩa của người thụ ngôn trong giao xuyên văn hoá*, Tạp chí Ngôn ngữ số 7/1999, tr. 26-29.

20. Zarate Geneviève, 1983, *D'une culture à l'autre*, LE FRANÇAIS DANS LE MONDE, số 181, tháng 11-12/1983, Hachette/ Larousse.

21. Zarate Geneviève, 1993, *Représentations de l'étranger et didactique des langues*, Didier, 128 tr.